

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HN-ST
Ngày: 18/4/2018
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Gái.
2. Ông Võ Văn Lợi.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thịnh – Cán bộ
Tòa án nhân dân Quận 2.*

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn
Thị Ngọc, Kiểm sát viên.*

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2018/TLST-HNGĐ, ngày 23/01/2018 về “Ly
hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng
3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST ngày 12 tháng 4 năm
2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Kim L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số .., Đường ..., Tổ .., Khu phố 3, phường TML, Quận 2, Tp HCM, (có
đơn xin mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số .., Đường .., Khu phố .., phường BTT, Quận 2, Tp HCM, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 11/01/2018, Bản tự khai ngày 31/01/2018, nguyên
đơn bà Trương Thị Kim L trình bày: Bà và ông L tự nguyện kết hôn với nhau năm
2009, có đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn số 23 do Ủy ban nhân dân
phường Thạnh Mỹ Lợi cấp ngày 20/3/2009. Mâu thuẫn giữa chúng tôi bắt đầu từ
năm 2014 do bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp từ đó vợ chồng không

tìm được tiếng nói chung và chúng tôi đã ly thân từ 2014 đến nay. Dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng mọi việc vẫn không thể thay đổi. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đến nay đã trầm trọng, nên bà L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về việc nuôi con: Quá trình chung sống có 01(một) con tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 17/10/2009. Bà L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - ông Nguyễn Thanh L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 31/01/2018 cháu Nguyễn Thị Kim T, nguyện vọng của cháu T xin được ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà L có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Bị đơn ông L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu: Các trình tự, thủ tục đều tuân thủ quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trương Thị Kim L yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thanh L. Do ông L cư trú tại Quận 2 nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – bà L có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn - ông L vắng mặt nhưng Tòa án đã Tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2018. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung .

[3] Về yêu cầu của đương sự: Căn cứ lời khai của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định Bà Trương Thị Kim L và ông Nguyễn Thanh L tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn số 23 do Ủy ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/3/2009. Do đó, hôn nhân giữa bà L và ông L là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa bà L và ông L đã không còn hạnh phúc, đời sống gia đình luôn xảy ra xung đột nhưng cả hai đã không tìm được tiếng nói chung trong tất cả mọi vấn đề, cả hai đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Như vậy, bà L yêu cầu được ly hôn với ông L là có cơ sở.

Đối với ông L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do cho thấy ông L không có thiện chí hàn gắn gia đình, nên Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Về việc nuôi con: Quá trình chung sống có 01(một) con tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 17/10/2009. Bà L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu trên là hợp lý, phù hợp lời khai của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do có yêu cầu ly hôn nên bà L phải chịu tiền án phí.

Hội đồng xét xử thống nhất với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016;
- Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Kim L được ly hôn ông Nguyễn Thanh L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23, do Ủy ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/3/2009 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về việc nuôi con: Quá trình chung sống có 01(một) con tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 17/10/2009. Bà L được nuôi con và ghi nhận bà L không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo qui định tại các điều 81,82,83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà L phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AE/2014/0008846 ngày 23/01/2018, do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Yến